TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 84/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 7 - 2023
V/v ly hôn giữa chị T và anh V

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Thu Hương;

Ông Nguyễn Văn Hà.

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng-Thư ký tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Là - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 117/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị T, sinh năm 1995 (vắng mặt);

ĐKHKTT: Xóm 1, V, xã T, huyện N, tỉnh Nam Định.

Nơi ở: Xóm 2, Cao Lộng, xã T, huyện N, tỉnh Nam Định

- Bị đơn: Anh Trần Văn V, sinh năm 1991 (vắng mặt);

Địa chỉ: Xóm 1, thôn V, xã T, huyện N, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 7 năm 2023, bản tự khai ngày 11/7/2023 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Vũ Thị T trình bày: Chị và anh Trần Văn V tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Nam Định vào ngày 10/4/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi chửi nhau, chị bế con về nhà đẻ ở anh V không lên thăm cũng không có trách nhiệm gì. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm với anh V nên không thể hàn gắn đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn V.

Về con chung: Chị và anh V có 02 con chung là Trần A, sinh ngày 21/10/2016 và Trần Thanh T, sinh ngày 25/12/2018, hiện các con đang ở với chị.

Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao mỗi người nuôi 01 con, chị xin nuôi cháu A (cháu A cũng có ý kiến nếu bố mẹ ly hôn cháu xin được ở với mẹ), giao cháu T cho anh V nuôi, giữa chị và anh V không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Hiện chị làm công nhân tại Công ty Yamani có trụ sở tại xã Nam Hồng, huyện N thu nhập hằng tháng từ 08 triệu đồng.

Trường hợp anh V không có nguyện vọng nuôi con, chị xin được nuôi cả 02, yêu cầu anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật

Về tài sản: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17/7/2023 bị đơn anh Trần Văn V trình bày: Anh và chị Vũ Thị T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N vào ngày 10/4/2016. Quá trình vợ chồng chung sống bình thường không có mâu thuẫn lớn chỉ xảy ra tranh cãi lặt vặt hằng ngày. Nhưng do điều kiện anh đi làm xa bố mẹ chị T còn khỏe đang chăm sóc cháu nội nên vợ chồng anh mới thống nhất cho các con về nhờ ông bà ngoại chăm sóc và đưa đón các cháu đi học. Nay anh nhận thấy vẫn còn tình cảm với chị T, mâu thuẫn giữa vợ chồng chưa trầm trọng nên anh không nhất trí ly hôn với chị T.

Về con chung: Giữa anh và chị T có 02 con chung tên ngày tháng năm sinh của các con đúng như chị T trình bày, hiện các con đang ở với chị T và ông bà ngoại cháu. Nếu phải ly hôn anh đề nghị được nuôi cháu T, giao cháu A cho chị T nuôi, giữa anh và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Hiện anh đang làm kỹ thuật vận hành quản lý tòa nhà tại Hà Nội thuộc công ty CP Voms thu nhập mỗi tháng 10 triệu đồng.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho ly hôn giữa chị Vũ Thị T và anh Trần Văn V;

- Về con chung: Áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Giao con chung là cháu Trần A, sinh ngày 21/10/2016 cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Trần Thanh T, sinh ngày 25/12/2018 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T và anh V không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về án phí DSST: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về án phí và lệ phí Toà án: Chị Vũ Thị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn;

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự được chấp nhận, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị T và anh Trần Văn V tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Nam Định vào ngày 10/4/2016 nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung thời gian đầu bình thường sau đó có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, dẫn đến cãi chửi nhau. Tuy nhiên chị T làm đơn xin ly hôn anh V không đồng ý, với lý do anh vẫn còn tình cảm với chị T. Nhưng chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể chung sống với anh V được nữa, chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V.

Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa chị T và anh V không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân, không có khả năng đoàn tụ, có duy trì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn anh Trần Văn V của chị Vũ Thị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị T và anh V có 02 con chung là Trần A, sinh ngày 21/10/2016 và Trần Thanh T, sinh ngày 25/12/2018, hiện các con đang ở với chị T.

Khi giải quyết ly hôn, xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế, nguyện vọng của con và các đương sự, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử thấy: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều có ý kiến khi vợ chồng ly hôn đề nghị Tòa án giao mỗi người nuôi 01 con. Chị T tiếp tục trực tiếp nuôi cháu A (cháu A cũng có ý kiến nếu bố mẹ ly hôn cháu xin được ở với mẹ), và giao cháu T cho anh V nuôi dưỡng. Hiện chị T và anh V đều ở chung với bố mẹ đẻ, có thu nhập ổn định nên anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Ý kiến của các đương sự là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Chị T có nghĩa vụ giao con Trần Thanh T cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, các đương sự có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Vũ Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Vũ Thị T và anh Trần Văn V.

2. Về nuôi con chung chưa thành niên: Giao con chung là cháu Trần A, sinh ngày 21/10/2016 cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Trần Thanh T, sinh ngày 25/12/2018 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T và anh V không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị T có nghĩa vụ giao cháu T cho anh V nuôi dưỡng;

Chị T và anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai số 0000553, ngày 07 tháng 7 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Nam Định.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã T, huyện N;
- Lưu HS.

Nguyễn Thị Ánh